

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 08/2020/HNGĐ - ST
Ngày 26/3/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX- ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị Nh - sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Ngh, xã T, huyện V, tỉnh T

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Gi - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

(Chị Nh, anh Gi có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Lương Thị Nh trình bày: Chị và anh Phạm Văn Gi kết hôn ngày 08/3/1999 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh Gi ở xã Đ. Đến năm 2005 vợ chồng chị vào thành phố Biên Hòa, Đồng Nai sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Anh Gi về xã Đ

sống từ năm 2012. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chỉ xin được ly hôn với anh Phạm Văn Gi.

Về con chung: Chị và anh Gi có 01 con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 13/11/1999. Cháu S đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Gi trình bày: Anh và chị Lương Thị Nh có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên những mâu thuẫn nhỏ thì có. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị Nh xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nh có 01 con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 13/11/1999. Cháu S đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nh không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lương Thị Nh vắng mặt.
- Bị đơn anh Phạm Văn Gi vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Lương Thị Nh đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn - anh Phạm Văn Gi đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Nh: Cho chị Lương Thị Nh được ly hôn anh Phạm Văn Gi. Về con chung: con chung Phạm Trường S, sinh năm 1999 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết, Về tài sản chung chị Nh và anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị Nh và anh Gi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn Gi thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Chị Lương Thị Nh và anh Phạm Văn Gi có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Nh và anh Gi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì sau khi kết hôn một thời gian thì chị Nh và anh Gi vào miền Nam làm ăn. Đến năm 2012 anh Gi về xã Đ, huyện Đ sinh sống cùng nhà với mẹ anh Gi ở thôn V, xã Đ. Anh Gi và chị Nh mỗi người sống một nơi đã lâu, chị Nh xin ly hôn anh Gi địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn anh Gi còn nếu Tòa án hòa giải được thì tốt. Tòa án triệu tập anh Gi đến Tòa án làm việc nhưng anh Gi không đến Tòa án và anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh Gi đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh xử cho chị Nh được ly hôn anh Gi là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nh và anh Gi có 01 con chung là Phạm Trường S, sinh ngày 13/11/1999. Cháu S đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lương Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh Gi khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị Nh và anh Gi.

[3] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nh, anh Gi có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Nh được ly hôn anh Phạm Văn Gi.

2. Về con chung: Con chung của chị Nh và anh Gi là Phạm Trường S, sinh ngày 13/11/1999. Cháu S đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nh đã nộp tại Biên lai thu tạm

ứng án phí số 0008238 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Nh và anh Phạm Văn Gi có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương